

Số: 128/2024/QĐST-DS

Thành phố Huế, ngày 06 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 91/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu S, sinh năm 1945; Địa chỉ: F H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Lê Hồng S1, sinh năm 1993; Địa chỉ: E H N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1997; Địa chỉ: F N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Ông Lê Khắc Q, sinh năm 1966; Địa chỉ: A Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Khắc N, sinh năm 1964; Địa chỉ: KV T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Ông Lê Khắc Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Ông Lê Khắc T, sinh năm 1975; Địa chỉ: F H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1980; Địa chỉ: F H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Lê Thị Thu T1, sinh năm 1984; Địa chỉ: F H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Hồng S1, sinh năm 1993; Địa chỉ: E Hồ N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1997; Địa chỉ: F N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về xác định di sản thừa kế:

- Ông Lê D (sinh năm 1935, chết năm 2020) theo trích lục khai tử số: 37/TLKT do UBND phường T, thành phố H cấp ngày 11/03/2020. Di sản thừa kế của ông Lê D để lại là $\frac{1}{2}$ nhà đất trong khối tài sản chung với vợ là bà Lê Thị Thu S tại thửa đất số 398 (277-2), tờ bản đồ số 15, diện tích 25,6 m² (*Hai mươi lăm phẩy sáu mét vuông*), tọa lạc tại A Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, trên đất có nhà ở 02 tầng. Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 282088 do UBND thành phố H cấp ngày 26/03/2018 mang tên Lê D và Lê Thị Thu S.

b. Về xác định người thừa kế:

- Hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê D gồm: Cha mẹ ông Lê D là ông Lê Khắc V (sinh năm 1913, chết năm 1954) và bà Trương Thị T2 (sinh năm 1916, chết năm 1954); Vợ là Lê Thị Thu S và 06 người con chung gồm: Lê Khắc N, Lê Khắc Q, Lê Khắc Đ, Lê Khắc T, Lê Thị Thu H, Lê Thị Thu T1.

Trong đó, cha mẹ của ông Lê D đã chết trước thời điểm mở thừa kế nên không được hưởng di sản thừa kế của ông Lê D.

- Ngày 04/5/2018, ông Lê D và vợ là Lê Thị Thu S có lập di chúc tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế với nội dung để lại thửa đất tại A Đ, thành phố H nêu trên cho con trai là Lê Khắc Q. Nay các bên thống nhất thoả thuận không thực hiện theo di chúc mà chia phần di sản của ông Lê D theo pháp luật.

c. Về thoả thuận phân chia di sản:

- Các ông, bà: Lê Khắc N, Lê Khắc Đ, Lê Khắc T, Lê Thị Thu H và Lê Thị Thu T1 tự nguyện từ chối nhận di sản thừa kế theo pháp luật mà mình được hưởng từ ông Lê D đối với di sản thừa kế là nhà đất trong khối tài sản chung với vợ bà Lê Thị Thu S tại thửa đất số 398 (277-2), tờ bản đồ số 15, diện tích 25,6 m² (*Hai mươi lăm phẩy sáu mét vuông*), tọa lạc tại A Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, trên đất có nhà ở 02 tầng. Các ông bà nêu trên tự nguyện nhường lại kỷ phần thừa kế mà mình được hưởng cho mẹ mình là bà Lê Thị Thu S.

- Ông Lê Khắc Q tự nguyện từ chối nhận di sản thừa kế theo pháp luật và từ chối hưởng di sản thừa kế theo di chúc (di chúc ngày 04/5/2018 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường T) mà mình được hưởng từ ông Lê D đối với di sản thừa kế là nhà đất trong khối tài sản chung với vợ bà Lê Thị Thu S tại thửa đất số 398 (277-2), tờ bản đồ số 15, diện tích 25,6 m² (*Hai mươi lăm phẩy sáu mét vuông*), tọa lạc tại A Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, trên đất có nhà ở 02 tầng. Ông Q tự nguyện nhường lại kỷ phần thừa kế mà mình được hưởng cho mẹ mình là bà Lê Thị Thu S.

- Bà Lê Thị Thu S đồng ý nhận di sản mà mình được hưởng từ ông Lê D và đồng ý nhận các kỷ phần thừa kế mà các con đã từ chối nhận di sản. Đồng thời bà Lê Thị Thu S hủy bỏ nội dung đã định đoạt đối với phần tài sản của mình (thửa đất số 398 (277-2), tờ bản đồ số 15, diện tích 25,6 m² (*Hai mươi lăm phẩy sáu mét vuông*), tọa lạc tại A Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) tại di chúc ngày 04/5/2018 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường T.

- Sau khi nhận phần di sản được hưởng từ ông Lê D và nhận kỷ phần thừa kế mà các con từ chối nhận di sản nhường lại, bà Lê Thị Thu S được toàn quyền sử dụng thửa đất số 398 (277-2), tờ bản đồ số 15, diện tích 25,6 m² (*Hai mươi lăm phẩy sáu mét vuông*), tọa lạc tại A Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và sở hữu ngôi nhà ở 02 tầng tọa lạc trên phần đất này. Bà Lê Thị Thu S có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/đăng ký biến động, cập nhật thay đổi về quyền quản lý, sử dụng nhà đất theo đúng quy định của pháp luật.

d. Về chi phí định giá tài sản: 8.000.000 đồng, nguyên đơn tự nguyên chịu toàn bộ, đã nộp đủ và chi phí xong.

e. Về án phí tranh chấp dân sự:

Các bên đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên tiền án phí dân sự là:

- Án phí bà Lê Thị Thu S phải chịu trên giá trị kỷ phần được hưởng 852.282.900 đồng là: $50\% \times [36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 52.282.900 \text{ đồng})] = 18.784.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Do bà Lê Thị Thu S là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí, nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Lê Thị Thu S được miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TP Huế;
- THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng

